TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 181/2017/HSST
Ngày: 02-8-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Nguyễn Ngọc Quang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Tú Nhi.

2. Bà Trần Thị Ngọc.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà*:** Ông Nguyễn Thắng Lợi, Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Văn phòng khu phố T, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương, Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 173/2017/TLST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2017, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2017/HSST-QĐ ngày 21 tháng 7 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn P, sinh năm 1986, tại tỉnh Vĩnh Long; thường trú: Ấp M, xã T, huyện O, tỉnh Vĩnh Long; chỗ ở: Khu phố G, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Bốc xếp; trình độ học vấn: 6/12; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Đ, sinh năm 1961 và bà Phạm Thị D, sinh năm 1961; bị cáo có vợ tên Trần Thị Kim O, sinh năm 1986 (chưa đăng ký kết hôn, đang mang thai) và có 01 con sinh năm 2016; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 26/10/2011, bị Công an phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh lập hồ sơ đưa đi cai nghiện bắt buộc thời hạn 24 tháng tại Trường Giáo dục đào tạo và giải quyết việc làm số 1, tỉnh Đăk Nông, chấp hành xong ngày 26/10/2013. Ngày 21/01/2015, bị Công an phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh lập hồ sơ đưa đi cai nghiện bắt buộc thời hạn 20 tháng tại Trung tâm Giáo dục Lao động bảo trợ xã hội Phú Văn, tỉnh Bình Phước, chấp hành xong ngày 21/9/2016; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 30/3/2017 cho đến nay. (Có mặt)

2. Nguyễn Văn N, sinh năm 1990, tại tỉnh Kiên Giang; thường trú: Ấp C, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang; chỗ ở: Đường số 1, khu phố G, phường L, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Phật; con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1965 và bà Đặng Thị X, sinh năm 1969; bị cáo có vợ tên Trương Thị Diễm M, sinh năm 1996 (chưa đăng ký kết hôn); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/3/2017 cho đến nay. (Có mặt)

- *Người bị hại:* Bà Phạm Thị Hồng V, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Thường trú: Khu B, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Chỗ ở: Đường M, phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1996; (Vắng mặt)

Thường trú: Khu B, phường H, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh.

Chỗ ở: Đường M, phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Huỳnh Quốc T, sinh năm 1982; (Vắng mặt)

Thường trú: Đường H, phường N, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Lê Hồng P, sinh năm 1983; (Vắng mặt)

Thường trú: Khu phố B, phường T, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1952; (Vắng mặt)

5. Bà Nguyễn Thị Thúy L, sinh năm 1986. (Vắng mặt)

Cùng thường trú: Ấp P, xã A, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Cùng chỗ ở: Tổ M, khu phố S, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 14 giờ ngày 28/3/2017, Nguyễn Văn N và Lê Văn P cùng nhau trộm được 01 túi xách màu nâu của bà Phạm Thị N là công nhân lao công tại khu công nghiệp A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Bên trong túi xách của bà N có số tiền 30.400.000 đồng, 02 chỉ vàng 18K, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 28Y1 – 3320, 01 giấy phép lái xe (tất cả mang tên Quách Ngọc P). Sau khi lấy được túi xách, P điều khiển xe mô tô biển số 68S1 – 9329 chở Nguyễn Văn N đi theo đường quốc lộ 1A về hướng thành phố Hồ Chí Minh, chiếc túi xách để trên baga xe.

Đến khoảng 14 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi đến đoạn đường thuộc khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương, P nhìn thấy bà Nguyễn Thị Huyền T điều khiển xe mô tô biển số 53S9 – 3313 chở bà Phạm Thị Hồng V ngồi phía sau ôm chiếc ba lô màu hồng hiệu Quechua bên trong có số tiền 200.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 5 màu trắng. P rủ N giật ba lô của bà V thì N đồng ý. P điều khiển xe ép sát bên trái xe bà V để cho N ngồi phía sau dùng tay phải giật chiếc ba lô, P tăng ga bỏ chạy. Lúc này, bà T và bà V tri hô cướp thì được ông Lê Hồng P, Huỳnh Quốc T là cảnh sát giao thông ở gần đó phát hiện đuổi theo. Đến trước cổng số 03 khu du lịch Suối Tiên thì bắt giữ được N cùng vật chứng, giao cho Công an phường Đ lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, riêng P bỏ xe chạy thoát. Đến ngày 30/3/2017, P bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An bắt khẩn cấp.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 túi xách màu nâu bên trong có số tiền 30.400.000 đồng, 02 chỉ vàng 18K, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy đăng ký xe mô tô biển số 28Y1 – 3320, 01 giấy phép lái xe (tất cả mang tên Quách Ngọc P).

- 01 ba lô màu hồng hiệu Quechua bên trong có số tiền 200.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 5 màu trắng.

- 01 xe mô tô kiểu dáng Sirius biển số 68S1 – 9329, số khung RRKWCHIUMAXN47932, số máy VTT29JL1P52FMH047932.

Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án bao gồm: 01 ba lô màu hồng hiệu Quechua trị giá 80.000 đồng, số tiền 200.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 5 màu trắng trị giá 2.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt 2.680.000 đồng (theo Kết luận định giá tài sản số 65/BB.ĐG ngày 13/4/2017 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An).

Ngày 28/3/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An ra quyết định khởi tố vụ án hình sự, sau đó ra quyết định khởi tố bị can và lệnh tạm giam đối với Lê Văn P và Nguyễn Văn N về tội "Cướp giật tài sản" theo Điều 136 Bộ luật Hình sự.

Tại bản cáo trạng số 171/QĐ – KSĐT ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố các bị cáo Lê Văn P và Nguyễn Văn N về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa trong phần tranh luận, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An nêu tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử vận dụng các tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo như: Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Về nhân thân: Bị cáo P có 02 tiền sự về việc đi cai nghiện bắt buộc, không có tiền án; bị cáo N không có tiền án tiền sự. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm d khoản 2 Điều 136, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật Hình sự xử phạt Lê Văn P từ 04 năm đến 05 năm tù và xử phạt Nguyễn Văn N từ 03 năm đến 04 năm tù.

Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô kiểu dáng Sirius biển số 68S1 – 9329, số khung RRKWCHIUMAXN47932, số máy VTT29JL1P52FMHO47932 của bị cáo P dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với 01 ba lô màu hồng hiệu Quechua, số tiền 200.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 5 màu trắng đã trả lại cho người bị hại nên không xem xét giải quyết.

- Đối với 01 túi xách màu nâu bên trong có số tiền 30.400.000 đồng, 02 chỉ vàng 18K, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy đăng ký xe biển số 28Y1 – 3320, 01 giấy phép lái xe (tất cả mang tên Quách Ngọc P). Đây là những vật chứng trong vụ án "Trộm cắp tài sản" tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An đã có thông báo cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp nhận, điều tra xử lý theo thẩm quyền.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, người bị hại bà Phạm Thị Hồng V; người làm chứng bà Nguyễn Thị Huyền T, ông Huỳnh Quốc T, ông Lê Hồng P, ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị Thúy L vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 191 và 192 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người bị hại, những người làm chứng.

[2] Về nội dung vụ án:

Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 28/3/2017, Lê Văn P điều khiển xe mô tô kiểu dáng Sirius biển số 68S1 – 9329 chở Nguyễn Văn N đi đến đoạn đường thuộc khu phố T, phường Đ, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Lúc này, P nhìn thấy bà Nguyễn Thị Huyền T điều khiển xe mô tô biển số 53S9 – 3313 chở bà Phạm Thị Hồng V ngồi phía sau ôm chiếc ba lô màu hồng. P điều khiển xe ép sát bên trái xe bà V, N dùng tay phải giật chiếc ba lô, P tăng ga bỏ chạy. Bà T và bà V tri hô, lúc này ông Lê Hồng P, Huỳnh Quốc T là cảnh sát giao thông ở gần đó đuổi theo đến trước cổng số 03 khu du lịch Suối Tiên thì bắt giữ được N cùng vật chứng, riêng P bỏ xe chạy thoát. Đến ngày 30/3/2017, P bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An bắt khẩn cấp.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 ba lô màu hồng hiệu Quechua bên trong có số tiền 200.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 5 màu trắng.

- 01 xe mô tô kiểu dáng Sirius biển số 68S1 – 9329, số khung RRKWCHIUMAXN47932, số máy VTT29JL1P52FMH047932.

Tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án bao gồm: 01 ba lô màu hồng hiệu Quechua trị giá 80.000 đồng, số tiền 200.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 5 màu trắng trị giá 2.400.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt 2.680.000 đồng (theo Kết luận định giá tài sản số 65/BB.ĐG ngày 13/4/2017 của Hội đồng định giá thị xã Dĩ An).

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở xác định hành vi của Lê Văn P sử dụng xe mô tô ép sát nhanh chóng chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị 2.680.000 đồng là nguy xe mô tô giật để Nguyễn Văn N giật ba lô của bà Phạm Thị Hồng V đã vi phạm vào Điều 136 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng số 171/QĐ – KSĐT ngày 07 tháng 6 năm 2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố Lê Văn P và Nguyễn Văn N về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự với tình tiết "Dùng thủ đoạn nguy hiểm" là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật. Các bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi do mình gây ra.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi:

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Về nhận thức, các bị cáo biết hành vi dùng xe mô tô đi cướp giật tài sản của người bị hại là trái pháp luật,

đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người bị hại được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Vì động cơ tư lợi muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo đã cố ý thực hiện tội phạm là xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả. Hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử phạt mức án phù hợp nhằm giáo dục trực tiếp các bị cáo và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng mang tính giản đơn, nên không xem xét tính chất phạm tội có tổ chức đối với các bị cáo. Trong vụ án này, bị cáo P giữ vai trò chính, là người khởi xướng và điều khiển xe áp sát để bị cáo N giật tài sản, do đó phải chịu mức án tương xứng với hành vi do các bị cáo gây ra.

[4] Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo cần xem xét:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Về nhân thân: Bị cáo P có 02 tiền sự về việc áp dụng đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, chưa có tiền án, có con nhỏ. Bị cáo N không có tiền án, tiền sự; học vấn thấp nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế; có ông nội là Nguyễn Văn K, bác ruột là Nguyễn Văn L là liệt sỹ.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ đối với các bị cáo, đề nghị xử phạt Lê Văn P từ 04 năm đến 05 năm tù và xử phạt Nguyễn Văn N từ 03 năm đến 04 năm tù về tội "Cướp giật tài sản" là có căn cứ.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với xe mô tô kiểu dáng Sirius biển số 68S1 – 9329, số khung RRKWCHIUMAXN47932, số máy VTT29JL1P52FMHO47932 của bị cáo P dùng vào việc phạm tội nên tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Đối với 01 ba lô màu hồng hiệu Quechua, số tiền 200.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Apple Iphone 5 màu trắng đã trả lại cho người bị hại nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Văn P, Nguyễn Văn N phạm tội "Cướp giật tài sản".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 136, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 53 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn P 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2017.

2. Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 41 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô kiểu dáng Sirius biển số 68S1 – 9329, số khung RRKWCHIUMAXN47932, số máy VTT29JL1P52FMHO47392.

Vật chứng Hội đồng xét xử tuyên tịch thu sung quỹ nhà nước nêu trên thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 08/6/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Dĩ An và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Các bị cáo Lê Văn P và Nguyễn Văn N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Dĩ An;
- Công an thị xã Dĩ An;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Võ Nguyễn Ngọc Quang